

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP THUYẾT TRÌNH TRONG GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHAN THỊ THANH LÝ
Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 03/01/2026. Sửa chữa xong 12/02/2026. Duyệt đăng 24/02/2026.

Abstract

The lecture method is the primary instructional approach used in teaching political theory subjects at the university level, including Ho Chi Minh Thought. However, in the context of higher education reform oriented toward the development of student competencies, this method has revealed several limitations, such as one-way knowledge transmission, a low level of interaction, and insufficient connection with students' future professional practice. This article analyzes the current use of the lecture method in teaching Ho Chi Minh Thought at Ho Chi Minh City University of Transport and proposes solutions to enhance its effectiveness through restructuring lecture content, increasing classroom interaction, applying technology, and linking theory to the specific characteristics of the transportation sector.

Keywords: Effectiveness, Ho Chi Minh Thought, Ho Chi Minh City University of Transport, lecture method, solutions.

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống các môn Lý luận chính trị ở bậc đại học, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và nền tảng đạo đức cho sinh viên (SV). Đây không chỉ là môn học truyền thụ tri thức về hệ thống quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam mà còn góp phần bồi dưỡng lý tưởng, củng cố niềm tin và định hướng giá trị nghề nghiệp cho thế hệ trẻ trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số hiện nay. Tuy nhiên, thực tiễn giảng dạy cho thấy môn học này thường được SV khối kỹ thuật tiếp nhận với tâm thế “môn học lý luận bắt buộc”, dẫn đến động cơ học tập chưa cao. Tại Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, phần lớn SV theo học các ngành kỹ thuật, công nghệ, logistics, khai thác vận tải... với đặc trưng tư duy thiên về tính toán, mô hình, thực hành và ứng dụng kỹ thuật. Trong khi đó, nội dung môn Tư tưởng Hồ Chí Minh mang tính khái quát, trừu tượng và lý luận cao. Sự khác biệt này đặt ra thách thức lớn đối với phương pháp giảng dạy, đặc biệt là phương pháp thuyết trình vốn đang được sử dụng phổ biến. Trong nhiều năm qua, phương pháp thuyết trình đã phát huy ưu thế trong việc bảo đảm tính hệ thống, chính xác và định hướng chính trị của nội dung giảng dạy. Tuy nhiên, nếu vận dụng theo lối truyền thống (giảng viên (GV) trình bày - SV ghi chép), phương pháp này dễ dẫn đến tình trạng giao tiếp một chiều, hạn chế tương tác, làm giảm tính chủ động và khả năng tư duy phản biện của người học. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả tiếp thu kiến thức mà còn làm giảm khả năng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn nghề nghiệp tương lai của SV.

Email: thanhlylct@ut.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Về hiệu quả sử dụng phương pháp thuyết trình trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh

2.1.1. Những kết quả đạt được khi sử dụng phương pháp thuyết trình trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Nâng cao mức độ hứng thú và động cơ học tập của sinh viên

Một trong những kết quả rõ nét nhất là sự thay đổi trong thái độ học tập của SV. Trước đây, nhiều SV khối kỹ thuật xem môn Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học lý luận mang tính bắt buộc, chủ yếu học để thi. Sau khi áp dụng mô hình thuyết trình tích hợp (nêu vấn đề - thảo luận - liên hệ thực tiễn), không khí lớp học trở nên sôi nổi hơn, SV chủ động phát biểu ý kiến và đặt câu hỏi. Ví dụ, khi GV đưa ra tình huống về trách nhiệm của kỹ sư trong giám sát công trình giao thông và liên hệ với phẩm chất “liêm chính”, nhiều SV đã chia sẻ quan điểm cá nhân về áp lực nghề nghiệp và đạo đức công vụ. Sự tham gia tích cực này cho thấy nội dung bài giảng không còn xa rời thực tiễn ngành học. Kết quả khảo sát nội bộ (thông qua phiếu phản hồi cuối học phần) cho thấy tỷ lệ SV đánh giá môn học “có ý nghĩa thực tiễn” tăng rõ rệt so với các học kỳ trước. Điều này phản ánh sự thay đổi về động cơ học tập từ thụ động sang tự giác và có định hướng [1, tr. 35].

b. Tăng cường khả năng ghi nhớ và hiểu sâu kiến thức lý luận

Việc sử dụng hình ảnh trực quan, video tư liệu và sơ đồ hóa nội dung giúp SV tiếp cận kiến thức một cách đa chiều. Thay vì ghi chép máy móc, SV được quan sát, phân tích và liên hệ. Chẳng hạn, khi trình chiếu hình ảnh tại Bến Nhà Rồng và kể lại bối cảnh lịch sử ra đi tìm đường cứu nước, GV không chỉ truyền đạt sự kiện mà còn gợi mở tinh thần dân tộc và khát vọng đổi mới. Sau buổi học, nhiều SV có thể tái hiện lại nội dung theo mạch câu chuyện thay vì chỉ nhắc lại khái niệm. Bên cạnh đó, hoạt động tham quan tại Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh kết hợp viết thu hoạch giúp SV củng cố kiến thức qua trải nghiệm thực tế. Qua phân tích bài thu hoạch có thể nhận thấy SV không chỉ nêu lại nội dung sách giáo trình mà còn bày tỏ cảm nhận cá nhân về phong cách sống giản dị, tinh thần vì dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Điều này cho thấy mức độ hiểu sâu và nội tâm hóa kiến thức được nâng cao.

c. Phát triển kỹ năng tư duy phản biện và làm việc nhóm

Khi phương pháp thuyết trình được kết hợp với thảo luận nhóm và phân tích tình huống, SV có cơ hội bày tỏ quan điểm và tranh luận trên cơ sở lý luận đã học. Kết quả là kỹ năng tư duy phản biện được cải thiện rõ rệt. Ví dụ, trong một buổi học về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, các nhóm SV được yêu cầu phân tích vấn đề ùn tắc giao thông đô thị dưới góc độ trách nhiệm của Nhà nước và người dân. Có nhóm nhấn mạnh yếu tố quy hoạch hạ tầng; nhóm khác phân tích ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông. Sau phần trình bày, các nhóm phản biện lẫn nhau và GV tổng kết theo định hướng tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua hoạt động này, SV không chỉ hiểu nội dung lý luận mà còn học cách lập luận, bảo vệ quan điểm và lắng nghe ý kiến khác biệt [2, tr. 326]. Đây là kỹ năng quan trọng đối với kỹ sư và nhà quản lý tương lai trong lĩnh vực giao thông vận tải.

d. Tăng khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn nghề nghiệp

Một kết quả quan trọng khác là sự cải thiện khả năng liên hệ kiến thức với chuyên ngành đào tạo. Trước đây, nhiều SV gặp khó khăn khi trả lời câu hỏi vận dụng trong bài thi tự luận. Sau khi được tiếp cận bài giảng theo hướng gắn lý luận với thực tiễn ngành, nội dung trả lời trở nên cụ thể và sát thực hơn. Chẳng hạn, khi được yêu cầu phân tích ý nghĩa của phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính” trong lĩnh vực giao thông vận tải, SV đã liên hệ đến việc chống thất thoát vốn đầu tư công, bảo đảm chất lượng vật liệu xây dựng và tuân thủ quy trình kỹ thuật. Một số bài làm còn nêu ví dụ về các vụ việc sai phạm trong thực tế và đề xuất giải pháp tăng cường minh bạch. Sự thay đổi này cho thấy SV đã biết chuyển hóa tri thức lý luận thành định hướng hành động nghề nghiệp, đúng với mục tiêu đào tạo toàn diện của nhà trường.

e. Nâng cao hiệu quả đánh giá và kết quả học tập

Việc áp dụng mini-quiz, câu hỏi tương tác và kiểm tra nhanh trong giờ học giúp GV nắm bắt kịp thời mức độ hiểu bài của SV. Nhờ đó, nội dung được điều chỉnh phù hợp, tránh tình trạng “quá tải” hoặc “thiếu

chiều sâu”. Thống kê kết quả học phần cho thấy tỷ lệ SV đạt điểm khá, giỏi có xu hướng tăng; đồng thời số lượng bài thi thể hiện được khả năng phân tích, liên hệ thực tiễn cũng nhiều hơn. Quan trọng hơn, sự tiến bộ không chỉ thể hiện ở điểm số mà còn ở chất lượng lập luận và khả năng diễn đạt. Một số SV sau học phần còn chủ động đề xuất tổ chức tọa đàm hoặc thảo luận chuyên đề về đạo đức nghề nghiệp trong ngành Giao thông. Điều này phản ánh tác động lan tỏa của việc đổi mới phương pháp thuyết trình.

g. Tác động tích cực đến môi trường học tập và văn hóa lớp học

Khi GV thay đổi cách thuyết trình theo hướng cởi mở, khuyến khích trao đổi và tôn trọng ý kiến cá nhân, môi trường lớp học trở nên dân chủ và thân thiện hơn. SV cảm thấy được lắng nghe và có cơ hội thể hiện quan điểm. Không khí học tập tích cực này góp phần xây dựng văn hóa học thuật trong nhà trường, nơi SV không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hợp tác và tư duy độc lập. Về lâu dài, những chuyển biến này không chỉ nâng cao chất lượng môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn góp phần hình thành nền tảng đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp cho SV Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.2. Những tồn tại, hạn chế khi sử dụng phương pháp thuyết trình trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

a. Tính đơn chiều của thuyết trình vẫn còn phổ biến

Mặc dù đã có những điều chỉnh theo hướng tăng cường tương tác, song trong thực tế, ở một số lớp học, phương pháp thuyết trình vẫn mang tính truyền đạt một chiều. GV giữ vai trò trung tâm, trình bày nội dung theo giáo trình, trong khi SV chủ yếu nghe và ghi chép. Nguyên nhân có thể xuất phát từ áp lực thời gian (phải hoàn thành khối lượng nội dung lớn trong số tiết hạn chế) hoặc từ thói quen sư phạm lâu năm. Khi bài giảng kéo dài liên tục 45-60 phút mà không có hoạt động tương tác xen kẽ, mức độ tập trung của SV giảm đáng kể. Đặc biệt với SV khối kỹ thuật vốn quen với các giờ thực hành, thí nghiệm việc tiếp nhận thông tin lý luận theo cách thụ động dễ gây tâm lý mệt mỏi và giảm hứng thú. Hệ quả là hiệu quả tiếp thu kiến thức chưa cao; nhiều SV chỉ nắm được khái niệm ở mức độ tái hiện, chưa đạt đến mức độ phân tích hoặc vận dụng.

b. Việc liên hệ với thực tiễn ngành chưa thật sự đồng đều

Một hạn chế khác là mức độ gắn kết giữa nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với đặc thù ngành Giao thông vận tải chưa được triển khai đồng bộ giữa các lớp học. Có những bài giảng đã làm tốt việc liên hệ thực tiễn nghề nghiệp nhưng cũng có những tiết học vẫn dừng lại ở phân tích lý luận chung. Trong bối cảnh SV tại trường chủ yếu học các ngành kỹ thuật, nếu nội dung không được “chuyển hóa” thành các tình huống nghề nghiệp cụ thể (quản lý dự án, giám sát công trình, an toàn giao thông, logistics...), SV sẽ khó nhận thấy tính thiết thực của môn học. Điều này dẫn đến tâm lý học để đối phó, tập trung vào thi cử hơn là tiếp thu giá trị tư tưởng. Hạn chế này một phần do GV chưa có điều kiện cập nhật thường xuyên các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực giao thông vận tải; phần khác do thiếu tài liệu hướng dẫn tích hợp liên ngành một cách hệ thống [3, tr. 48].

c. Ứng dụng công nghệ chưa đồng bộ và chưa khai thác hết tiềm năng

Mặc dù công nghệ thông tin đã được đưa vào giảng dạy, song mức độ ứng dụng còn chênh lệch giữa các GV. Một số bài giảng vẫn sử dụng slide nhiều chữ, ít hình ảnh, thiếu sơ đồ trực quan; trong khi đó, SV hiện nay quen với môi trường học tập số hóa, đa phương tiện. Ngoài ra, việc sử dụng các công cụ tương tác trực tuyến (quiz, khảo sát nhanh, lớp học đảo ngược) chưa trở thành hoạt động thường xuyên. Một số GV còn e ngại mất thời gian hoặc thiếu kỹ năng sử dụng phần mềm hỗ trợ. Hệ quả là tiềm năng của công nghệ trong việc tăng tính tương tác, kiểm tra nhanh mức độ hiểu bài và tạo môi trường học tập linh hoạt chưa được khai thác tối đa.

d. Áp lực chương trình và thời lượng học phần

Một hạn chế mang tính khách quan là khối lượng kiến thức của môn học tương đối lớn trong khi số tín chỉ và thời lượng giảng dạy có giới hạn. Điều này khiến GV ưu tiên hoàn thành nội dung chương trình, đôi khi chưa dành đủ thời gian cho hoạt động thảo luận, phân tích tình huống hoặc phản biện. Trong bối cảnh

đó, phương pháp thuyết trình dễ quay trở lại hình thức truyền đạt nhanh để bảo đảm “kịp tiến độ”. Hệ quả là mục tiêu phát triển năng lực tư duy và khả năng vận dụng của SV chưa đạt được như mong muốn.

e. Tâm lý và thói quen học tập của một bộ phận sinh viên

Bên cạnh hạn chế từ phía GV và tổ chức dạy học, yếu tố người học cũng tác động đáng kể. Một bộ phận SV vẫn giữ tâm lý học đối phó, ít chủ động phát biểu hoặc tham gia thảo luận. Khi được yêu cầu phản biện hoặc nêu quan điểm cá nhân, nhiều SV còn e dè, ngại bày tỏ ý kiến. Điều này có thể xuất phát từ thói quen học tập thụ động ở các bậc học trước hoặc từ tâm lý cho rằng môn học lý luận không liên quan trực tiếp đến chuyên môn kỹ thuật. Trong những trường hợp như vậy, dù GV có tổ chức hoạt động tương tác, mức độ tham gia vẫn chưa đạt như kỳ vọng.

2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả phương pháp thuyết trình trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Đổi mới cấu trúc và tư duy thiết kế bài thuyết trình

Giải pháp đầu tiên và có tính nền tảng là đổi mới cấu trúc bài thuyết trình theo hướng khoa học, logic và định hướng vấn đề. Thực tế cho thấy nhiều bài giảng hiện nay vẫn triển khai theo lối trình bày tuần tự nội dung trong giáo trình, nặng về liệt kê khái niệm và luận điểm, dẫn đến cảm giác khô khan, thiếu điểm nhấn. Để nâng cao hiệu quả, GV cần thiết kế bài giảng theo mô hình “nêu vấn đề - phân tích - liên hệ - khái quát”. Cách tiếp cận này giúp SV nhận thức rõ mục tiêu của từng phần nội dung và thấy được tính ứng dụng của lý luận. Ví dụ, khi giảng chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với đạo đức cách mạng, thay vì bắt đầu bằng định nghĩa và hệ thống phẩm chất, GV có thể mở đầu bằng một tình huống thực tiễn: “Một kỹ sư giám sát công trình cầu đường phát hiện vật liệu thi công không đạt tiêu chuẩn nhưng chịu áp lực từ cấp trên yêu cầu ký nghiệm thu. Trong trường hợp này, trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức được đặt ra như thế nào?”. Từ tình huống đó, GV dẫn dắt vào nội dung về “cần, kiệm, liêm, chính” và tinh thần trách nhiệm trước nhân dân. Cách mở đầu này giúp SV thấy được mối liên hệ trực tiếp giữa tư tưởng Hồ Chí Minh và nghề nghiệp tương lai. Ngoài ra, cấu trúc bài giảng cần được sơ đồ hóa bằng bản đồ tư duy hoặc hệ thống hóa bằng bảng biểu nhằm giúp SV khối kỹ thuật vốn quen với tư duy logic và mô hình dễ dàng nắm bắt cấu trúc nội dung. Việc chia nhỏ nội dung thành các “khối kiến thức” rõ ràng, mỗi khối có mục tiêu cụ thể, sẽ làm tăng khả năng tập trung và ghi nhớ [4, tr. 528].

2.2.2. Tăng cường tính trực quan và yếu tố trải nghiệm trong thuyết trình

Trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị, yếu tố trực quan có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tạo ấn tượng và khơi gợi cảm xúc. Hình ảnh, video tư liệu, bản đồ lịch sử hay trích đoạn phim tài liệu không chỉ giúp bài giảng sinh động hơn mà còn hỗ trợ SV hình dung bối cảnh lịch sử cụ thể. Việc giới thiệu hình ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập hay không gian tại Bến Nhà Rồng sẽ giúp SV kết nối kiến thức sách vở với địa điểm có thật trong đời sống. Chẳng hạn, khi giảng về quá trình hình thành tư tưởng cứu nước của Người, GV có thể trình chiếu hình ảnh Bến Nhà Rồng và đặt câu hỏi: “Nếu là một thanh niên 21 tuổi vào đầu thế kỷ XX, các anh/chị có dám rời quê hương để tìm con đường mới cho dân tộc không?”. Câu hỏi này tạo ra sự nhập vai, giúp SV suy nghĩ ở góc độ cá nhân thay vì tiếp nhận thụ động. Bên cạnh đó, việc tổ chức cho SV tham quan thực tế tại Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh có thể trở thành một phần mở rộng của bài thuyết trình trên lớp. Sau chuyến tham quan, SV được yêu cầu viết bài thu hoạch hoặc thảo luận nhóm về giá trị đạo đức, phong cách sống của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự kết hợp giữa “nghe giảng - quan sát - trải nghiệm - phản tư” sẽ làm tăng chiều sâu nhận thức và khả năng ghi nhớ lâu dài [5, tr. 269].

2.2.3. Kết hợp thuyết trình với phương pháp dạy học tích cực

Một giải pháp quan trọng khác là tích hợp phương pháp thuyết trình với các phương pháp dạy học tích cực nhằm khắc phục tính đơn chiều. Thuyết trình không nên kéo dài toàn bộ tiết học mà chỉ giữ vai trò định hướng và hệ thống hóa nội dung cốt lõi. Sau mỗi phần trình bày, GV cần thiết kế hoạt động tương tác để SV tham gia xử lý thông tin. Ví dụ, sau khi trình bày nội dung về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Nhà nước của

dân, do dân, vì dân, GV có thể chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ: “Phân tích một vấn đề giao thông đô thị hiện nay (ùn tắc, tai nạn, ô nhiễm...) dưới góc độ trách nhiệm của Nhà nước và người dân”. Mỗi nhóm thảo luận trong 10-15 phút, sau đó cử đại diện trình bày quan điểm. GV đóng vai trò tổng kết, liên hệ lại nội dung lý luận đã trình bày. Cách tổ chức này giúp SV vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể, đồng thời rèn luyện kỹ năng trình bày và phản biện. Đặc biệt đối với SV ngành kỹ thuật, việc giải quyết “bài toán thực tiễn” sẽ tạo hứng thú hơn so với việc chỉ ghi nhớ khái niệm. Ngoài thảo luận nhóm, GV có thể sử dụng phương pháp tình huống (case study). Chẳng hạn, đặt ra một kịch bản về tiêu cực trong đấu thầu xây dựng công trình giao thông và yêu cầu SV phân tích dưới góc độ đạo đức công vụ [6, tr. 400]. Qua đó, tư tưởng “liêm chính” và “chí công vô tư” được cụ thể hóa bằng vấn đề sát thực với ngành nghề.

2.2.4. Gắn lý luận với đặc thù ngành Giao thông vận tải

Đối tượng người học tại UTH chủ yếu là SV các ngành kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, khai thác vận tải, logistics, cơ khí, tự động hóa... Vì vậy, nếu nội dung bài thuyết trình chỉ dừng lại ở bình diện lý luận chung mà không liên hệ ngành nghề, SV sẽ khó thấy được ý nghĩa thực tiễn. Khi giảng về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với lao động và vai trò của quần chúng nhân dân, GV có thể liên hệ đến tinh thần trách nhiệm của kỹ sư trong việc bảo đảm chất lượng công trình giao thông. Một sai sót kỹ thuật nhỏ trong thiết kế cầu đường có thể gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội. Từ đó, tư tưởng “làm việc gì cũng phải có trách nhiệm với dân” được chuyển hóa thành yêu cầu đạo đức nghề nghiệp cụ thể. Tương tự, khi phân tích nội dung về xây dựng Nhà nước pháp quyền, GV có thể liên hệ đến hệ thống pháp luật về an toàn giao thông, quản lý hạ tầng, đấu thầu công trình. SV được đặt câu hỏi: “Nếu anh/chị là cán bộ quản lý dự án, làm thế nào để bảo đảm minh bạch, chống thất thoát vốn đầu tư?”. Những câu hỏi như vậy giúp tư tưởng Hồ Chí Minh không còn là hệ thống khái niệm trừu tượng mà trở thành kim chỉ nam cho hành vi nghề nghiệp. Việc gắn lý luận với chuyên ngành còn giúp nâng cao động cơ học tập. Khi SV nhận thấy môn học góp phần định hình chuẩn mực nghề nghiệp, họ sẽ có thái độ tích cực và chủ động hơn trong quá trình tiếp thu.

2.2.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thuyết trình

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ là yếu tố không thể thiếu để nâng cao hiệu quả phương pháp thuyết trình. Trước hết, thiết kế slide cần theo nguyên tắc tối giản: hạn chế chữ, tăng hình ảnh, sử dụng sơ đồ và biểu đồ. Điều này đặc biệt phù hợp với SV kỹ thuật vốn quen với cách trình bày trực quan. GV có thể sử dụng các công cụ khảo sát nhanh như Mentimeter hoặc Kahoot để kiểm tra mức độ hiểu bài ngay trong tiết học. Ví dụ, sau khi trình bày nội dung về các phẩm chất đạo đức cách mạng, GV tổ chức một mini-quiz gồm 5 câu hỏi trắc nghiệm. Kết quả hiển thị tức thì giúp GV nắm bắt mức độ tiếp thu và điều chỉnh tốc độ giảng dạy. Bên cạnh đó, việc xây dựng kho học liệu điện tử (video, tài liệu tham khảo, câu hỏi ôn tập) và chia sẻ trước buổi học sẽ tạo điều kiện cho SV chuẩn bị nội dung. Khi lên lớp, thời gian thuyết trình có thể rút ngắn, dành nhiều thời gian hơn cho thảo luận và phân tích. Đây là bước chuyển từ mô hình “day học truyền thống” sang “lớp học đảo ngược” ở mức độ phù hợp [7, tr. 42-49].

3. Kết luận

Từ những phân tích về cơ sở lý luận và thực tiễn giảng dạy tại Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, có thể khẳng định rằng phương pháp thuyết trình vẫn giữ vai trò chủ đạo trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là phương pháp có ưu thế trong việc bảo đảm tính hệ thống, tính chính xác và định hướng tư tưởng của nội dung môn học. Tuy nhiên, trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, phương pháp thuyết trình cần được vận dụng theo hướng hiện đại, linh hoạt và tích hợp, thay vì duy trì cách thức truyền đạt một chiều như trước đây. Việc nâng cao hiệu quả phương pháp thuyết trình không đồng nghĩa với việc thay thế hoàn toàn bằng các phương pháp khác mà là tái cấu trúc cách thức triển khai: từ “giảng giải thuần túy” sang “thuyết trình định hướng - tổ chức hoạt động - tổng kết khái quát”. Khi được kết hợp với thảo luận nhóm, phân tích tình huống, ứng dụng công nghệ thông tin và hoạt động trải nghiệm thực tế, phương pháp thuyết trình sẽ phát huy được đồng thời hai chức năng: truyền đạt tri thức lý luận cốt lõi và kích thích tư duy độc lập, phản biện của SV.

Xem tiếp trang 56